

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 01 – 2025

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Như.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Đào Việt Khải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2024/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 462/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị S (Lê Bé S1), sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Đặng Bạch Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 01/10/2024 nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đặng Bạch Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C (nay là huyện P) tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Bạch Đ.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Đặng Khánh A, sinh ngày 01/01/2002 (giới tính nam); Đặng Trọng K, sinh ngày 25/01/2004 (giới tính nam). Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu ngày 18/12/2024: Bà Lê Thị S yêu cầu không mở phiên họp công khai, chứng cứ và hoà giải. Đồng thời, yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Đặng Bạch Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Lê Thị S.

Tại đơn xác nhận ngày 01/10/2024 của Công an xã P xác nhận: Bà Lê Bé S1, sinh năm 1983 trong giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã P, huyện C, (nay là huyện P) tỉnh Cà Mau cấp và Lê Thị S, sinh năm 1982 trong sổ hộ khẩu gia đình do U cấp là cùng một người. Ông Đặng Bạch Đ, sinh năm 1978 trong giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp và Đặng Bạch Đ, sinh năm 1968 trong sổ hộ khẩu gia đình do U cấp là cùng một người.

Tại phiên tòa:

- Bà Lê Thị S và ông Đặng Bạch Đ vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị S khởi kiện xin ly hôn với ông Đặng Bạch Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Đặng Bạch Đ cư trú tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Lê Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đặng Bạch Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà S và ông Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Đặng Bạch Đ tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 92/2002 ngày 15/8/2003 tại UBND xã P, huyện C (nay là huyện P) tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà S và

ông Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà S nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn. Đối với, ông Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà S. Từ đó cho thấy, ông Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn của bà S và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S, cho bà S được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Đặng Khánh A, sinh ngày 01/01/2002 (giới tính nam); Đặng Trọng K, sinh ngày 25/01/2004 (giới tính nam). Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà S phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị S (Lê Bé S1) được ly hôn với ông Đặng Bạch Đ.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Đặng Khánh A, sinh ngày 01/01/2002 (giới tính nam); Đặng Trọng K, sinh ngày 25/01/2004 (giới tính nam). Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị S và ông Đặng Bạch Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng. Bà Lê Thị S đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003565 ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Tân;
- (Giấy CNKH số 92 ngày 15/8/2003)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Như**